| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN U MINH**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **13**/2020/DS-ST
Ngày 27-3-2020
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Dương Minh Út.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Huy Quang.

Ông Trần Công Đẳng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim T, sinh năm 1977 (có mặt).
- *Bị đơn:* Bà Lê Thị N (Ngọc N), sinh năm 1973 (có mặt).
Ông Lê Văn C (Hoàng C), sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 2, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09-12-2019 và biên bản hòa giải ngày 28-02-2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Kim T trình bày:* Bà T yêu cầu bà Lê Thị N và ông Lê Văn C trả số tiền hụi trong các dây hụi đã tham gia, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 kỳ. Cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 19/6/2017 âl (tháng 6 trước vì 2017 nhuần tháng 6), tổng 32 phần, bị đơn tham gia 03 phần, tính từ kỳ khui hụi tháng 7/2019 đến hết tháng 11/2019 là 05 kỳ x 03 phần = 15.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Mở ngày 06/9/2017 âl, tổng 30 phần, bị đơn tham gia 02 phần, tính từ kỳ khui hụi tháng 8/2019 đến hết tháng 11/2019 là 04 kỳ x 02 phần = 8.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Mở ngày 09/12/2017 âl, tổng 30 phần, bị đơn tham gia 01 phần, tính từ kỳ khui hụi tháng 8/2019 đến hết tháng 11/2019 là 04 kỳ x 01

phần = 4.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Mở ngày 26/4/2018 âl, tổng 25 phần, bị đơn tham gia 01 phần, tính từ kỳ khui hụi tháng 7/2019 đến hết tháng 11/2019 là 05 kỳ x 01 phần = 5.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Mở ngày 29/10/2018 âl, tổng 27 phần, bị đơn tham gia 02 phần, tính từ kỳ khui hụi tháng 7/2019 đến hết tháng 11/2019 là 05 kỳ x 02 phần = 10.000.000 đồng.

Bà N và ông C đã hốt tất cả các dây hụi nêu trên cho đến ngày 19/7/2019 âl bà N làm biên nhận nợ tính đến thời điểm làm biên nhận với số tiền hụi chết chưa đóng là 100.000.000 đồng. Tổng số tiền ông C, bà N nợ và phát sinh đến hết tháng 11/2019 là 142.000.000 đồng, bà N đã trả được 1.700.000 đồng. Nay bà T yêu cầu ông C và bà N trả số tiền 140.300.000 đồng.

*Tại biên bản hòa giải ngày 28-02-2020 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Thị N trình bày:* Bà N thừa nhận bà và ông C có tham gia 03 dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 kỳ. Cụ thể: Dây hụi mở ngày 19/6/2017 âl (tháng 6 trước), tổng 32 phần, ông C và bà N tham gia 03 phần; dây hụi mở ngày 06/9/2017 âl, tổng 30 phần, tham gia 02 phần và dây mở ngày 09/12/2017 âl, tổng 30 phần, tham gia 01 phần. Hai dây hụi còn lại tham gia hốt để đóng lại hụi chết của 03 dây hụi nêu trên. Đến ngày 19/7/2019 âl làm biên nhận nợ tổng 05 dây hụi đến khi mãn là 100.000.000 đồng. Sau khi làm biên nhận bà N đã trả được 1.700.000 đồng, còn nợ lại 98.300.000 đồng. Nay bà N đồng ý trả cho bà T tổng số tiền đến khi mãn hụi là 98.300.000 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch dân sự giữa bà Lê Kim T với bà Lê Thị N và ông Lê Văn C được xác định tại thời điểm thực hiện là hợp đồng hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Tại phiên tòa, bà N thừa nhận có tham gia 05 dây hụi, tổng cộng 09 phần hụi đã hốt chưa đóng lại như nguyên đơn trình bày là đúng. Đến ngày 19-7-2019 âl, bà N làm biên nhận nợ tổng 05 dây hụi còn nợ lại cho đến khi mãn là 100.000.000 đồng, sau đó đã trả được 1.700.000 đồng. Xét thấy, sau khi hốt tất cả các dây hụi đã tham gia, bà N không đóng lại hụi chết đầy đủ cho chủ hụi, đến ngày 19-7-2019 âl các bên kết nợ hụi chưa đóng lại cho đến thời điểm làm biên nhận với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Mặt khác, tại "Giấy giao kèo đóng hụi chết" ngày 30-7-2019 âl của bà N, thể hiện: *"Tôi tên Lê Thị N có tham gia 09 chưng hụi, chủ hụi*

*là Lê Kim T, 09 chưng hụi này tôi đã hốt hết. Tôi có tham gia 09 chưng hụi như sau: vào ngày 27 tôi phải đóng cho chủ hụi 3 triệu, ngày 13 tôi đóng là 2 triệu, ngày 18 tôi đóng 1.000.000 đồng, ngày mùng 07 tôi đóng 1.000.000 đồng, ngày mùng 10 tôi đóng 2 triệu…"*. Đối chiếu nội dung giao kèo đóng hụi này với khoảng thời gian theo thỏa thuận giữa các bên trong quá trình giao dịch 05 dây hụi là hụi viên phải đóng hụi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày khui hụi. Cụ thể: Bà N cam kết hàng tháng vào ngày 27 phải đóng cho chủ hụi 3.000.000 đồng, tương ứng với 03 phần hụi chết của dây hụi mở ngày 19-6-2017 âl; ngày 13 đóng là 2.000.000 đồng, tương ứng với 02 phần hụi chết của dây hụi mở ngày 06-9-2017 âl; ngày 18 đóng 1.000.000 đồng, tương ứng với 01 phần hụi chết của dây hụi mở ngày 09-12-2017 âl; ngày 07 đóng 1.000.000 đồng, tương ứng với 01 phần hụi chết của dây hụi mở ngày 26-4-2018 âl; ngày mùng 10 đóng 2.000.000 đồng, tương ứng với 02 phần hụi chết của dây hụi mở ngày 29-10-2018 âl. Như vậy, bà N cho rằng biên nhận nợ ngày 19-7-2019 âl là tổng tất cả nợ hụi cho đến khi mãn của 05 dây hụi nhưng đến ngày 30-7-2019 âl lại tiếp tục thỏa thuận đóng hụi vào các ngày như đã phân tích và nội dung thỏa thuận này thể hiện việc đóng hụi chết, thực tế không phải là thực hiện cam kết trả nợ theo biên nhận ngày 19-7-2019 âl.

[4] ] Về nghĩa vụ thanh toán: Trong quá trình tham gia giao dịch hụi, bà N và ông C đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân và việc bà N tham gia hụi trong khoảng thời gian dài nên ông C phải biết. Do đó, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc bà N và ông C cùng có nghĩa vụ trả.

[5] Như đã phân tích, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T. Buộc bà Lê Thị N và ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi còn nợ lại của 05 dây hụi nêu trên tính đến hết tháng 11-2019 âl là 140.300.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu ba trăm nghìn đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, bà N và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Cụ thể: 140.300.000 đồng x 5% = 7.015.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười lăm nghìn đồng).

[7] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T. Buộc bà Lê Thị N và ông Lê Văn C cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim T số tiền nợ hụi tính đến hết tháng 11 năm 2019 (âl) là 140.300.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu ba trăm nghìn đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N và ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 7.015.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười lăm nghìn đồng), chưa nộp.

Hoàn trả cho bà Lê Kim T số tiền tạm ứng án phí dân sự 3.808.000 đồng (Ba triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng) tại biên lai số 0004770 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Kim T, bà Lê Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Dương Minh Út**